

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & KIẾN TRÚC HBT VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty vì t b ng ti ng Vi t: CÔNG TY C PH N XÂY D NG & KI N TRÚC HBT VI T NAM

Tên công ty vì t b ng ti ng n c ngoài: HBT VIET NAM ARCHITECTURE & CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty vì t t t: HBT VINACO., JSC.

2. Mã số doanh nghiệp: 0109549246

3. Ngày thành lập: 12/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

T ng 2 khu th ng m i và d ch v , Chung c h c vi n Qu c Phòng, khu đô th Tây H Tây, Ph ng Xuân La, Qu n Tây H , Thành ph Hà N i, Vi t Nam

Đi n tho i: 0968189466

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	C a, x , bảo g và b o qu n g	1610
2.	S n xu t g dán, g l ng, ván ép và ván m ng khác	1621
3.	S n xu t đ g xây d ng	1622
4.	S n xu t bê tông và các s n ph m t bê tông, xi măng và th ch cao	2395
5.	C t t o dáng và hoàn thi n đá	2396
6.	S n xu t s t, thép, gang	2410
7.	S n xu t các c u ki n kim lo i	2511
8.	Rèn, d p, ép và cán kim lo i; luy n b t kim lo i	2591
9.	Gia công c khí; x lý và tráng ph kim lo i	2592
10.	Xây d ng nhà đ	4101(Chính)
11.	Xây d ng nhà không đ	4102
12.	Xây d ng công trình đ ng s t	4211
13.	Xây d ng công trình đ ng b	4212
14.	Xây d ng công trình đi n	4221
15.	Xây d ng công trình c p, thoát n c	4222
16.	Xây d ng công trình vi n thông, thông tin liên l c	4223
17.	Xây d ng công trình công ích khác	4229
18.	Xây d ng công trình th y	4291
19.	Xây d ng công trình khai khoáng	4292
20.	Xây d ng công trình ch bi n, ch t o	4293
21.	Xây d ng công trình k thu t dân d ng khác	4299

22.	Phá d	4311
23.	Chu n b m t b ng	4312
24.	L p đ t h th ng đi n	4321
25.	L p đ t h th ng c p, thoát n c, h th ng s i và đi u hoà không khí	4322
26.	L p đ t h th ng xây d ng khác	4329
27.	Hoàn thi n công trình xây d ng	4330
28.	Ho t đ ng xây d ng chuyên d ng khác	4390
29.	Đ i lý, môi gi i, đ u giá hàng hóa Chi ti t: Đ i lý bán hàng hóa	4610
30.	Bán buôn v i, hàng may m c, giày dép	4641
31.	May trang ph c (tr trang ph c t da lông thú)	1410
32.	Bán buôn đ dùng khác cho gia đình Chi ti t: Bán buôn vali, c p, túi, ví, hàng da và gi da khác Bán buôn n c hoa, hàng m ph m và ch ph m v sinh Bán buôn hàng g m, s , th y tính Bán buôn đ đi n gia d ng, đèn và b đèn đi n Bán buôn gi ng, t , bàn gh và đ dùng n i th t t ng t Bán buôn sách, báo, t p chí, văn phòng ph m Bán buôn d ng c th d c, th thao	4649
33.	Bán buôn máy vi tính, thi t b ngo i vi và ph n m m	4651
34.	Bán buôn thi t b và linh ki n đi n t , vi n thông	4652
35.	Bán buôn máy móc, thi t b và ph tùng máy khác Chi ti t: Bán buôn máy móc, thi t b và ph tùng máy khai khoáng, xây d ng Bán buôn máy móc, thi t b đi n, v t li u đi n (máy phát đi n, đ ng c đi n, dây đi n và thi t b khác dùng trong m ch đi n) Bán buôn máy móc, thi t b và ph tùng máy d t, may, da giày Bán buôn máy móc, thi t b và ph tùng máy văn phòng (tr máy vi tính và thi t b ngo i vi) Bán buôn máy móc, thi t b y t Bán buôn các lo i máy công c , dùng cho m i lo i v t li u Bán buôn máy móc, thi t b khác ch a đ c phân vào đầu đ s d ng cho s n xu t công nghi p, th ng m i, hàng h i và d ch v khác Bán buôn thi t b và d ng c đo l ng	4659

36.	Bán buôn v t li u, thi t b l p đ t khác trong xây d ng Chi ti t: Bán buôn tre, n a, g cây và g ch bi n Bán buôn xi măng Bán buôn g ch xây, ngói, đá, cát, s i Bán buôn kính xây d ng Bán buôn s n, vécni Bán buôn g ch p lát và thi t b v sinh Bán buôn đ ng kim Bán buôn ng n i, kh p n i và chi ti t l p ghép khác; Bán buôn thi t b l p đ t v sinh: ng, ng d n, kh p n i, vôi, cút ch T, ng cao su	4663
37.	Bán l đ đi n gia d ng, gi ng, t , bàn, gh và đ n i th t t ng t , đèn và b đèn đi n, đ dùng gia đình khác ch a đ c phân vào đâu trong các c a hàng chuyên doanh	4759
38.	V n t i hàng hóa b ng đ ng b	4933
39.	Kho bãi và l u gi hàng hóa (tr ho t đ ng kinh doanh b t đ ng s n)	5210
40.	Nhà hàng và các d ch v ăn u ng ph c v l u đ ng	5610
41.	Cung c p d ch v ăn u ng theo h p đ ng không th ng xuyên v i khách hàng	5621
42.	Cho thuê xe có đ ng c	7710
43.	Cho thuê máy móc, thi t b và đ dùng h u hình khác không kèm ng i đi u khi n Chi ti t: Cho thuê máy móc, thi t b nông, lâm nghi p không kèm ng i đi u khi n Cho thuê máy móc, thi t b xây d ng không kèm ng i đi u khi n	7730
44.	Bán l trò ch i, đ ch i trong các c a hàng chuyên doanh	4764
45.	Bán buôn t ng h p (tr lo i nhà n c c m)	4690
46.	Ho t đ ng thi t k chuyên d ng Chi ti t: Ho t đ ng trang trí n i th t	7410

47.	Hồ sơ đăng ký nitrô và thuốc trừ sâu có liên quan Chi tiết: Thị trường nitrô công trình Thị trường thuốc trừ sâu công trình dân dụng - công nghiệp Thị trường thuốc trừ sâu công trình Thị trường thuốc trừ sâu công trình Thị trường xây dựng công trình giao thông; thị trường xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thị trường xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình Khảo sát xây dựng, bao gồm: Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình Thuận lợi thi công, thuận lợi xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp Thuận lợi giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp Đi lý địa chất, thuận lợi địa chất Dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	7110
48.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
49.	Hồ sơ đăng ký dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phiếu:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN QU C HOÀI	Căn h 711 –TN CT2, Khu CNĐT Tây M , t dân ph Ngang, Ph ng Đ i M , Qu n Nam T Liêm, Thành ph Hà N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	90.000	900.000.000	10,000	034079004922	
			C ph n u đãi bi u quy t	0	0	0,000		
			C ph n u đãi c t c	0	0	0,000		
			C ph n u đãi hoàn l i	0	0	0,000		
			Các c ph n u đãi khác	0	0	0,000		
			T ng s	90.000	900.000.000	10,000		
2	PHAN CHU CHINH	P309 N11A, t 92, khu chung c D ch V ng, Ph ng D ch V ng, Qu n C u Gi y, Thành ph Hà N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	180.000	1.800.000.000	20,000	C0579143	
			C ph n u đãi bi u quy t	0	0	0,000		
			C ph n u đãi c t c	0	0	0,000		
			C ph n u đãi hoàn l i	0	0	0,000		
			Các c ph n u đãi khác	0	0	0,000		
			T ng s	180.000	1.800.000.000	20,000		

3	Đ NG THANH BÌNH	Thôn Yên Tr ch, Xã Tr ng Yên, Huy n Hoa L , T nh Ninh Bình, Vi t Nam	C ph n ph thông	180.000	1.800.000.000	20,000	0370890042 83	
			C ph n u dãi bi u quy t	0	0	0,000		
			C ph n u dãi c t c	0	0	0,000		
			C ph n u dãi hoàn l i	0	0	0,000		
			Các c ph n u dãi khác	0	0	0,000		
			T ng s	180.000	1.800.000.000	20,000		
4	NGUY N XUÂN HOÀI	S 4 ngõ 23 ph Cát Linh, Ph ng Cát Linh, Qu n Đ ng Đa, Thành ph Hà N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	450.000	4.500.000.000	50,000	0010770010 70	
			C ph n u dãi bi u quy t	0	0	0,000		
			C ph n u dãi c t c	0	0	0,000		
			C ph n u dãi hoàn l i	0	0	0,000		
			Các c ph n u dãi khác	0	0	0,000		
			T ng s	450.000	4.500.000.000	50,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: Đ NG THANH BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 26/11/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 037089004283

Ngày cấp: 14/12/2018

Nơi cấp: *Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Yên Trạch, Xã Trường Yên, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam*

Chức hiện tại: *Thôn Yên Trạch, Xã Trường Yên, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội